

Bản án số: 296/2021/HC-PT

Ngày 20 tháng 5 năm 2021

“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 98/2021/TLPT-HC ngày 26 tháng 01 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1725/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 715/2021/QĐPT - HC ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Lê Ngọc P, sinh năm 1972 – Có mặt;

Địa chỉ: 3/14 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, quận B, Thành phố H;

Địa chỉ Hiện tại: 2.3C Chung cư Hiệp Bình Chánh, đường số 23, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố T, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đỗ Biên T, sinh năm 1966 – Có mặt;

Địa chỉ: 9E Điện Biên Phủ, Phường 25, quận B, Thành phố H; Địa chỉ hiện tại: 356/48 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, quận B, Thành phố H (Văn bản ủy quyền được công chứng ngày 15/02/2019);

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố H;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố H;

Địa chỉ: 06 Phan Đăng Lưu, Phường 14, quận B, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ P¹ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2019) – Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phan Ngọc Anh H – Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng (Có mặt);

- Ông Nguyễn Văn D – Nhân viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng (Có mặt);

2.3. Ủy ban nhân dân Thành phố H – Có yêu cầu xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận I, Thành phố H;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Thành phố H:
Ông Phan Ngọc Anh Huy – Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đỗ Ngọc S, sinh năm 1967; Địa chỉ: C.702 Tổ 11, Khu phố 5, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố H – Vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của Đỗ Ngọc S: Ông Đỗ Biên T, sinh năm 1966 (Văn bản ủy quyền được công chứng ngày 15/02/2019) – Có mặt;

4. *Người kháng cáo:* Bà Trần Lê Ngọc P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/02/2019 và lời khai tiếp theo của người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Bà Trần Lê Ngọc P mua (bằng giấy tay) của bà Nguyễn Thị C căn nhà không sổ, đường Điện Biên Phủ, quận B, diện tích 18,5 m² vào năm 1996 để gia đình bà sinh sống cho đến ngày Nhà nước giải tỏa giao đất cho dự án xây dựng bãi trung chuyển xe buýt, khu đất số 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, quận B.

Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 (*Tạm viết tắt Quyết định số 3940*) hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn bộ căn nhà nêu trên. Bà đã nhận tiền hỗ trợ giải tỏa nhà với số tiền 6.000.000 đồng, nhưng không được bồi thường về đất và không được bố trí nền tái định cư. Bà khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 5599/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 (*Tạm viết tắt Quyết định số 5599*) có nội dung giữ nguyên Quyết định số 3940. Bà tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 (*Tạm viết tắt Quyết định số 03*) giữ nguyên Quyết định số 5599.

Gia đình của bà có 10 nhân khẩu cư trú liên tục trong căn nhà và đất diện tích 18,79 m² từ năm 1996 nhưng không được giải quyết thỏa đáng, làm thiệt hại nặng nề, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà trong khi các hộ dân khác tương tự như gia đình bà thì họ được 01 suất tái định cư và bồi thường vật kiến trúc. Do đó, bà Trần Lê Ngọc P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 3940, Quyết định số 5599 và Quyết định số 03 nêu trên.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B do người đại diện hợp pháp trình bày:

Căn nhà không sổ đường Điện Biên Phủ do bà Trần Lê Ngọc P sử dụng bị thu hồi toàn bộ 18,5 m² để thực hiện dự án. Theo tài liệu 299/TTg thì phần đất trên thuộc một phần thửa 276 (diện tích 37.574 m²) tờ số 1, đất rau tập trung (rau muống bè) do Phường 25 đăng ký, quản lý (Sổ mục kê); Theo Bản đồ địa chính Phường 25 (năm 2002) thì diện tích 18,5 m² (đất trống) thuộc một phần thửa 51, tờ bản đồ 96 do Ban Quản lý dự án đăng ký.

Trong quá trình sử dụng, bà Trần Lê Ngọc P không kê khai đăng ký nhà, đất qua các thời kỳ, không đăng ký tạm trú, tạm vắng. Ngoài giấy viết tay của bà Nguyễn Thị C năm 1996, bà Trần Lê Ngọc P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng

minh quyền sử dụng hợp pháp đối với nhà đất trên. Mặt khác, ngày 25/02/2016, Ủy ban nhân dân Phường 25 đã lập biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu phá dỡ công trình vi phạm và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 25, quận B đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-KPHQ ngày 30/3/2016 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả về hoạt động xây dựng, buộc bà Trần Lê Ngọc P phá dỡ ngay công trình vi phạm trên đất không được phép xây dựng nhà. Bà Trần Lê Ngọc P không tự nguyện tháo dỡ nên Ủy ban nhân dân Phường 25 ra Quyết định số 459/QĐ-CC ngày 08/8/2016 cưỡng chế thi hành. Theo biên bản ngày 19/11/2016 thì bà Trần Lê Ngọc P đã tháo dỡ công trình và bàn giao mặt bằng trống.

Tại điểm b khoản 2 Điều 21 và điểm c khoản 2 Điều 25 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố H quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất vào mục đích đất ở từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 không tính hỗ trợ...Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân xây dựng từ ngày 01/7/2006 trở về sau không tính hỗ trợ”*. Nhà đất của bà Trần Lê Ngọc P lân chiêm, sử dụng sau ngày 01/7/2006 nên không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất và do vậy bà không đủ điều kiện tái định cư.

Ngoài căn nhà này, cũng trong dự án này thì bà Trần Lê Ngọc P được bồi thường diện tích 25,6 m² với số tiền 437.322.506 đồng và một căn hộ tái định cư tại chung cư 500 căn, Phường 22, quận B và bà đã nhận tiền, nhận căn hộ xong.

Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã bác khiếu nại của bà.

Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B không đồng ý khởi kiện của bà Trần Lê Ngọc P.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H do người đại diện hợp pháp trình bày: Ngoài giấy viết tay của bà Nguyễn Thị C, bà Trần Lê Ngọc P không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà đã quản lý sử dụng nhà đất trên từ năm 1996. Ngày 30/12/2010, Thanh tra Xây dựng Phường 25 lập biên bản ngừng thi công công trình vi phạm trật tự đô thị đối với bà Trần Lê Ngọc P diện tích 18,5 m² tại số 152 Điện Biên Phủ. Tại Biên bản ngày 29/8/2015, bà P cho biết phần diện tích kho thuộc một phần thửa 51, sử dụng sau năm 2007 đến nay. Ngày 25/02/2016, Ủy ban nhân dân Phường 25 đã lập biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu phá dỡ công trình vi phạm và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 25, quận B đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-KPHQ ngày 30/3/2016 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả về hoạt động xây dựng, buộc bà Trần Lê Ngọc P phá dỡ ngay công trình vi phạm với diện tích 18,79 m². Bà Trần Lê Ngọc P không tự nguyện tháo dỡ nên Ủy ban nhân dân Phường 25 ra Quyết định số 459/QĐ-CC ngày 08/8/2016 cưỡng chế thi hành nhưng do sai thẩm quyền nên Ủy ban nhân dân Phường 25 đã ban hành Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 106 và Quyết định số 459 nêu trên. Theo Biên bản ngày 19/11/2016 thì bà P đã tự nguyện tháo dỡ công trình và bàn giao mặt bằng.

Bà Trần Lê Ngọc P không chứng minh được đã sử dụng nhà đất từ năm 1996 nên không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất và do vậy bà không đủ điều kiện tái định cư nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B bác khiếu nại của bà là đúng. Vì vậy Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Trần Lê Ngọc P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1725/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, Điều 173, điểm b khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Lê Ngọc P. Cụ thể:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 16/02/2018 của Ủy ban nhân dân quận B;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 5599/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2020, bà Trần Lê Ngọc P có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Đỗ Biên T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy các quyết định: số 3940, số 5599 và số 03 vì các quyết định trên là không công bằng, nhà đất của bà P cũng tương tự như 10 hộ dân khác cũng bị giải tỏa tại đây nhưng họ được bồi thường về đất và được nền tái định cư, còn bà P thì không được bồi thường như họ. Đề nghị Ủy ban nhân dân quận xem xét hoàn cảnh của bà P rất khó khăn, có tới 13 nhân khẩu, vì tin lời của Ủy ban nên đã tự nguyện tháo dỡ nhà để Ủy ban dễ dàng vận động các hộ khác, yêu cầu Ủy ban nhân dân quận cho bà một nền tái định cư.

Bà Trần Lê Ngọc P thống nhất ý kiến của ông Đỗ Biên T. Biên bản ngày 29/8/2015 ghi không đúng lời trình bày của bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không đồng ý kháng cáo của bà Trần Lê Ngọc P và đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm vì ngoài giấy tay của bà C không có xác nhận của chính quyền địa phương, bà P không chứng minh được bà đã sử dụng đất từ năm 1996 nên không thuộc trường hợp được bồi thường về đất, cũng không đủ điều kiện được nền tái định cư. Ngoài vị trí này, dự án cũng thu hồi của bà P ở vị trí khác và bà cũng đã được bồi thường tiền và một căn hộ tái định cư, nên cũng đã có chỗ ở.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Lê Ngọc P đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Bà Trần Lê Ngọc P khởi kiện đối với quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H trong lĩnh vực đất đai trong thời hạn chưa quá 01 năm kể từ ngày có quyết định bị khởi kiện. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án đúng quy định tại các điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Các quyết định số 3940, số 5599 và số 03 được ban hành đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18, Điều 21 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[4] Nhà đất không số tọa lạc tại đường Điện Biên Phủ, Phường 15, quận B, Thành phố H, diện tích 18,5 m² có nguồn gốc của bà Trần Lê Ngọc P mua của bà Nguyễn Thị C bằng giấy tay, không được chính quyền địa phương xác nhận. Quá trình sử dụng đất, bà P không kê khai đăng ký đất và cũng không đăng ký tạm trú.

Theo tài liệu 299/TTg thì diện tích đất này thuộc một phần thửa đất số 276 có tổng diện tích 37.574 m², tờ số 1, loại đất rau tập trung do Ủy ban nhân dân Phường 25 tạm đăng ký Sổ mục kê; Bản đồ địa chính Phường 25 lập năm 2002 thì diện tích trên thuộc một phần thửa 51⁻¹, tờ bản đồ 96 do Ban Quản lý dự án kê khai đăng ký.

Ngoài giấy tay mua bán nhà đất với bà C có ghi ngày 20/8/1996, bà P không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà đã quản lý, sử dụng đất từ thời điểm năm 1996. Mặt khác, tại Biên bản làm việc ngày 29/8/2015 của Ủy ban nhân dân Phường 25 thì bà P trình bày: “...*Phần diện tích gác gỗ gia đình sử dụng từ năm 2007 đến nay; Phần diện tích kho thuộc một phần thửa 51 sử dụng sau năm 2007 cho đến nay...*”. Do vậy, có căn cứ để xác định bà P sử dụng diện tích 18,5 m² từ năm 2007 (sau ngày 01/7/2004) nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 mục IV Phương án số 02/PA-UBND-HĐBTGPMB ngày 06/01/2017 thì không được bồi thường về đất và cũng không đủ điều kiện được tái định cư.

Do vậy, Quyết định số 3940 đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn và nội dung theo quy định của pháp luật nên các quyết định số 5599 và số 03 về giải quyết khiếu nại cũng đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Trần Lê Ngọc P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Bà Trần Lê Ngọc P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Lê Ngọc P; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1725/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bác khởi kiện của bà Trần Lê Ngọc P yêu cầu hủy các quyết định gồm: Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 16/02/2018 của Ủy ban nhân dân quận B, Quyết định số 5599/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H;

3. Bà Trần Lê Ngọc P phải nộp án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0092969 ngày 04/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Về nội dung đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Thạch, sửa Bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn Thạch đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.